

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-PT

Ngày 06-01-2021

V/v tranh chấp về bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Bà Lương Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện E, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 304/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 465/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1955; bà Vũ Thị B, sinh năm 1958; cùng nơi cư trú: Thôn 3 C, xã D, huyện E, thành phố Hải Phòng; đều có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn A: Ông Trần Minh G là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng ; có mặt;

- Bị đơn:

1. Anh Trịnh Đức H, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện E, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

2. Ông Nguyễn Đình I, sinh năm 1950; nơi cư trú: Thôn 3 C, xã D, huyện E, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

3. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn 3 C, xã D, huyện E, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

4. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn 3 C, xã D, huyện E, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

5. Anh Nguyễn Đình M, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn 3 C, xã D, huyện E, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

6. Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1976; Thôn 3 C, xã D, huyện E, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn A là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2017; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/4/2018; Đơn khởi kiện ngày 26/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn A và bà Vũ Thị B trình bày:

Khoảng đầu tháng 9 năm 2015, ông Trịnh Đức H (nguyên là bí thư chi bộ thôn C) cùng một số thanh niên trong thôn bao gồm các anh Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân N và Nguyễn Đình M nhiều lần đến nhà ông A, bà B để trao đổi về việc thôn có ý định mở rộng sân bóng để phục vụ nhu cầu thể thao của thôn. Theo đó hai bên thỏa thuận: Thôn sẽ lấy phần diện tích đất gia đình ông A đang trồng cây lâu năm rộng khoảng 02m, chạy dài theo sân bóng khoảng 100m và đổi trả cho gia đình ông A khoảng 80m² phần diện tích cuối sân bóng để gia đình ông A làm lối đi vào khu trang trại. Hai bên còn thỏa thuận, sau khi phá bỏ tường bao, cây cối của gia đình thì sẽ xây lại tường rào tại vị trí mới, cây cối bị đốn hạ để lấy mặt bằng sẽ được bồi thường bằng giá trị thực tế. Đến chiều ngày 06/9/2015, ông H và ông Nguyễn Đình I đã huy động thanh niên và nhân dân thôn C phá tường bao, cây cối, thuê máy xúc đào các cột bê tông của gia đình ông A. Việc phá dỡ và dọn dẹp được diễn ra trong 02 ngày mùng 06 và 07 tháng 9 năm 2015. Cuối ngày 06/9/2015 thì ông H, các anh L, M, N cùng gia đình ông A đã đo diện tích 80m² cuối sân bóng trả cho gia đình ông A. Gia đình ông A có lập văn bản để ghi nhận lại sự thỏa thuận của hai bên nhưng ông H và những người thanh niên nói rằng để xong việc rồi ký. Tuy nhiên, sau đó những người này đã không ký vào văn bản và cũng không xây lại tường rào, không bồi thường thiệt hại thực tế cho gia đình ông A. Ông A đã làm đơn kiến nghị gửi Ủy ban nhân dân xã D và Công an huyện E đề nghị giải quyết. Tuy nhiên, Công an huyện E trả lời việc phá dỡ tường rào, cây cối có sự thỏa thuận, đồng ý của các bên nên không có cơ sở khẳng định ông H, ông I có hành vi hủy hoại tài sản theo quy định của Bộ luật Hình sự. Do đó, ông A làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện E khởi kiện đối với bị đơn là những người trực tiếp thỏa thuận, huy

động mọi người, máy móc trực tiếp tham gia phá dỡ tường bao, cây cối của gia đình ông A phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản, cụ thể: Tường bao: 8.000.000 đồng; giá trị chuồng nuôi chó, chuồng nuôi gà: 2.500.000 đồng; giá trị đất màu xức đỏ đi: 10.000.000 đồng; giá trị cây cối, hoa màu: 8.000.000 đồng; thiệt hại về vật nuôi: 3.300.000 đồng; chi phí thuê người trông coi trang trại từ tháng 11/2015 đến tháng 02 năm 2018 là 42.000.000 đồng (28 tháng x 1.500.000 đồng/tháng). Tổng giá trị thiệt hại là: 73.800.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 30/5/2019, ngày 08/7/2019, ngày 10/7/2019, 15/7/2019, ngày 16/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Trịnh Đình I, ông Trịnh Đức H, các anh Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân N và Nguyễn Đình M trình bày:

Ông Trịnh Đức H trình bày: Từ năm 2013 đến năm 2016, ông H giữ chức vụ Bí thư chi bộ Thôn 3 C, là đại biểu Hội đồng nhân dân xã D khóa 18, 19; Ủy viên Ban kiểm tra Đảng ủy xã D. Đầu tháng 9 năm 2015, ông H không đến nhà ông A đặt vấn đề đổi đất sân bóng với ông A và cũng không có thỏa thuận gì với gia đình ông A về việc phá bỏ tường bao, cây cối như ông A trình bày. Ông H không tham gia, không chỉ đạo bất kỳ ai làm ảnh hưởng đến gia đình ông A. Ông A đã trình bày không đúng sự thực. Việc phá bỏ tường bao, cây cối là do ông A tự thực hiện. Thời điểm đó ông H bị ốm nên không có mặt tại đó. Theo ông H, nguồn gốc sân bóng có từ năm 1994, lúc đó trưởng thôn vận động nhân dân hiến đất mỗi nhà một ít để làm sân vui chơi và được Ủy ban nhân dân xã D đồng ý ghi nhận vào bản đồ cắt giao cho thôn để làm sân bóng. Đến năm 2015, thì diện tích sân bóng bị thu hẹp do gia đình ông A lấn chiếm 1.466m² như Thông báo số 17/TB-UBND ngày 16/10/2015 của Ủy ban nhân dân xã D. Do vậy, khi ông A nhờ nhân dân trong thôn đến dọn dẹp thì mọi người đều ủng hộ. Vì vậy, ông H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, đề nghị ông A phải trả lại diện tích đất 1.466m² để làm sân bóng.

Ông Trịnh Đình I trình bày: Ông I là trưởng thôn C năm 2015-2016. Ông I thống nhất với lời trình bày của ông H, không bàn bạc và không thỏa thuận gì với ông A về việc đổi đất tại sân bóng cũng như việc bồi thường phá dỡ tường bao và cây cối. Việc ông A cùng nhân dân trong thôn phá dỡ tường bao, cây cối, ông I, ông H không chỉ đạo, không tổ chức việc này.

Các anh Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân N và Nguyễn Đình M trình bày:

Ông I và ông H không chỉ đạo gì về việc phá tường bao, cây cối của gia đình ông A. Gia đình ông A tháo dỡ trước và nhờ nhân dân trong thôn dọn dẹp. Do ông A trả lại diện tích đất cho sân bóng nên nhân dân trong thôn ủng hộ dọn cùng ông A. Gia đình ông A còn ủng hộ tiền và một số đồ để uống nước. Ủy ban nhân dân xã D đã ra Thông báo thu hồi diện tích đất ông A đã lấn chiếm. Các bị đơn đều rất bất ngờ về việc ông A khởi kiện. Việc ông A khởi kiện các bị đơn là không đúng vì các bị đơn chỉ là những người dân bình thường nên không có quyền để thỏa thuận

đổi đất đổi với ông A. Do vậy, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông A, đề nghị ông A phải trả lại diện tích đã lấn chiếm theo thông báo của Ủy ban nhân dân xã D.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện E, thành phố Hải Phòng căn cứ vào Điều 604 của Bộ luật Dân sự năm 2005, xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A và bà Vũ Thị B về việc buộc các bị đơn phải bồi thường thiệt hại số tiền là 73.800.000 đồng về tường bao, cây cối, chuồng nuôi gà, chuồng nuôi chó, đất màu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/7/2020, ông Nguyễn Văn A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do: Không đồng ý với việc xác định quan hệ tranh chấp của Tòa án cấp sơ thẩm; không đồng ý với việc đánh giá chứng cứ và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày việc phá dỡ tường bao và cây cối ngày 06/9/2015 ông A biết và cũng đồng ý; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do đánh giá chứng cứ không khách quan.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông A trình bày: Có việc thoả thuận miệng giữa ông A và ông I, ông H. Việc thoả thuận miệng giữa các bên được coi là giao dịch nên cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nhưng lại áp dụng khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là không đúng quy định của pháp luật. Việc Ủy ban nhân dân xã D ra thông báo thu hồi diện tích đất của gia đình ông A là không đúng thẩm quyền. Có căn cứ để xác định có việc thoả thuận giữa nguyên đơn và bị đơn về việc đổi đất việc xây lại tường bao và nguyên đơn có thiệt hại thực tế là 73.800.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo của ông A: Việc ông A, bà B yêu cầu các bị đơn phải bồi thường số tiền 73.800.000 đồng là không có căn cứ vì ông A, bà B đã sử dụng diện tích đất trái pháp luật, việc phá dỡ tường bao, cây

cối đều được sự đồng ý của ông A. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp trong vụ án là về tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do vụ án có kháng cáo, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng - quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, ông Trịnh Đình I, ông Trịnh Đức H, các anh Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân N và Nguyễn Đình M vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Sự việc xảy ra ngày 06 tháng 9 năm 2015, ngày 16/10/2017 nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên còn thời hiệu khởi kiện - quy định tại Điều 588 Bộ luật Dân sự.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[4] Qua nghiên cứu lời trình bày của các đương sự, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thấy rằng:

[4.1] Căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H01723 ngày 27/7/2009 của Ủy ban nhân dân huyện E, thành phố Hải Phòng và Quyết định số 03 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thì hộ ông Nguyễn Văn A được quyền sử dụng diện tích đất 3360,0m² đất sản xuất nông nghiệp (bao gồm 07 thửa đất).

[4.2] Căn cứ vào Công văn số 01/CV-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã D gửi Tòa án nhân dân huyện E; căn cứ vào Báo cáo số 07/BC-UBND ngày 12/5/2016 của Ủy ban nhân dân xã D đối với Ủy ban nhân dân huyện E về kết quả giải quyết nội dung đơn kiến nghị của công dân Thôn 3 C; Thông báo số 17/TB-UBND ngày 16/10/2015 của Ủy ban nhân dân xã D; Thông báo số 250/TB-UBND ngày 13/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc giải quyết đơn của một số công dân thôn 3, C, xã D, huyện E, thì:

[4.2.1] Ngày 28/8/2015, Ủy ban nhân dân xã D nhận được đơn của lãnh đạo chi ủy và lãnh đạo thôn C yêu cầu làm rõ diện tích sân bóng mà gia đình ông Nguyễn Văn A đã sử dụng trái phép. Ngày 05/10/2015, Ủy ban nhân dân xã cử tổ công tác xuống đo thực địa tại khu vực sân bóng và diện tích gia đình ông A đang sử dụng xác định được: Tổng diện tích đất 95% gia đình ông A được giao là 3360,0m² tại 07 thửa đất trên so với số khẩu được giao đã đủ. Ngoài diện tích 3360,0m² gia đình ông A được giao thì gia đình ông A còn tự ý sử dụng diện tích đất của tập thể là 1519,0m² + 119,0m² đất khu vực Đầm của ông A đổi cho Ủy ban nhân dân xã về

Cửa Miếu Nam. Như vậy, ông A đang sử dụng đất 95% tại khu vực Cửa Miếu Nam và Đầm Cửa thuộc quỹ đất Ủy ban nhân dân xã đang quản lý là 1638,0m². Ngày 16/10/2015, Ủy ban nhân dân xã D ban hành thông báo số 17/TB-UBND về việc thu hồi diện tích đất 1.466,0m². Ngày 11/8/2016, Ủy ban nhân dân xã D ban hành Thông báo số 12/TB-UBND thu hồi diện tích đất 5% thuộc quỹ đất công ích Ủy ban nhân dân xã đang quản lý là 1.695,0m² tại thửa số 185+186 khu Cửa Miếu Nam Thôn 3 C mà gia đình ông A tự sử dụng từ năm 2007 đến nay. Trong đó diện tích quy hoạch mở rộng khu vui chơi, giải trí 262,5m². Yêu cầu ông A phải thu hồi cây cối, hoa màu, vật kiến trúc trên diện tích đất này xong trước ngày 31/8/2016. Diện tích đất còn lại 1.432,0m² Ủy ban nhân dân xã xin ý kiến các cấp có thẩm quyền thiết lập hợp đồng thuê đất theo quy định của pháp luật. Ông A đã nhận được các thông báo này nhưng không chấp hành mà trái lại còn có đơn tố cáo ông H nguyên bí thư chi bộ và ông Nguyễn Đình I nguyên là trưởng Thôn 3 C về hành vi hủy hoại tài sản.

[4.2.2] Ngày 08/9/2017, ông A đã vi phạm hành chính xây dựng trái phép, tự ý xây lán, nhà trên diện tích đất bị thu hồi. Ngày 08/9/2017, Ủy ban nhân dân xã D đã lập Biên bản vi phạm hành chính; ban hành quyết định đình chỉ thi công số 70/QĐ-UBND; ngày 16/9/2017 ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 73/QĐ-XPVPHC. Việc ông A khởi kiện dân sự nhằm trốn tránh trách nhiệm, không thi hành các quyết định hành chính và thông báo thu hồi đất nhằm kéo dài thời gian, gây mất trật tự trị an địa phương, đặc biệt là tình trạng khiếu kiện đông người vượt cấp của nhân dân xã Xuân Bò do Ủy ban nhân dân xã chưa thu hồi được đất đối với diện tích ông A tự sử dụng trái phép để phục vụ việc xây dựng nông thôn mới.

[4.3] Ông A trình bày hai bên thỏa thuận về việc sau khi phá dỡ tường bao và các vật kiến trúc khác để trả lại diện tích cho sân bóng nhưng các bị đơn không thừa nhận có việc thỏa thuận này. Lời khai của bị đơn và nhân dân trong thôn đều xác định không có việc thỏa thuận như lời trình bày của ông A và khi phá dỡ vật kiến trúc, cây cối ông A có mặt và tự nguyện phá dỡ đồng thời nhờ nhân dân cùng phá dỡ, thậm chí ông A còn ủng hộ nước uống cho mọi người. Ngoài lời trình bày thì ông A không xuất trình được văn bản nào thể hiện có việc thỏa thuận về việc đổi đất và bồi thường thiệt hại sau khi phá dỡ. Nhân dân trong thôn giúp ông A phá dỡ là vì muốn có thêm diện tích cho sân bóng. Cũng cần phải nói thêm rằng, sự việc xảy ra từ ngày 06/9/2015 nhưng mãi hai năm sau - ngày 16/10/2017, ông A mới làm đơn khởi kiện.

[5] Từ những phân tích trên thấy rằng diện tích đất ông A trồng cây cối và các vật kiến trúc không được cơ quan có thẩm quyền giao quyền sử dụng hợp pháp. Ủy ban nhân dân xã D đã có Thông báo số 17/TB-UBND ngày 16/10/2015 thu hồi diện tích đất 1466,0m² tại thửa đất số 186 tờ bản đồ số 11 Xứ đồng của Miếu Nam thôn 03 Xuân Bò trả lại cho Ủy ban nhân dân xã quản lý. Như vậy, có nghĩa là ông A đã trồng cây, xây tường bao trên diện tích đất ông A không được quyền sử dụng. Không có tài liệu nào thể hiện có việc thỏa thuận đổi đất, hay xây lại tường bao giữa

ông A và các bị đơn. Trong khi đó, lời khai của những người làm chứng xác nhận không có việc thoả thuận, ông A đã tự nguyện phá dỡ và nhờ nhân dân trong thôn cùng phá dỡ. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm – Điều 584 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự:

[6] Nguyên đơn: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông A và bà B đều là người cao tuổi; ông A còn là thương binh hạng 4/4 nên theo quy định của pháp luật thì ông A, bà B được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm - quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 2 Luật Người cao tuổi.

[7] Các bị đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Ông A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông A là người cao tuổi và là thương binh hạng 4/4 nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 534 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 2 của Luật Người cao tuổi;

Xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn A và bà Vũ Thị B về việc:

1. Buộc ông Trịnh Đức H, ông Nguyễn Đình I, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Đình M, anh Nguyễn Văn L phải bồi thường thiệt hại về tường bao; chuồng nuôi chó; chuồng nuôi gà; thiệt hại về đất màu do việc xúc đất đổ đi; thiệt hại về cây cối, hoa màu, vật nuôi; chi phí thuê người trông coi trang trại từ tháng 11/2015 đến tháng 02 năm 2018; tổng giá trị thiệt hại là 73.800.000 đồng.

2. Về án phí:

a. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn A và bà Vũ Thị B.

- Ông Trịnh Đức H, ông Nguyễn Đình I, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Đình M, anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

b. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn A.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Phương